

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 3 -2023
V/v Tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô;

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Quốc Tiến;
2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 686/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- DS, ngày 27/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐ-ST, ngày 15/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Tấn P, sinh năm 1977 – Hộ kinh doanh P.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Đoàn Tấn P là: Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 103, đường Chi Lăng, phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Trần Văn H, sinh năm 1966.

2.2. Võ Thị C, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh A và ông H có mặt; bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn là anh Vũ Tuấn A trình bày:

Anh Đoàn Tấn P – Chủ hộ kinh doanh P có tên gọi khác là V chuyên mua bán thức ăn, thuốc thủy sản; sản xuất và tiêu thụ cá giống, cá thương phẩm các loại tại ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Từ năm 2018, ông H với anh P là chỗ khách hàng quen biết và thường xuyên mua thức ăn nuôi cá. Việc mua bán thức ăn của ông H với anh P theo phương thức mua nợ lại và thanh toán theo từng đợt.

Tính đến ngày 02/7/2020, ông H ký nhận và ghi tên trong Sổ mua hàng xác nhận còn nợ anh P 107.010.000 đồng. Việc mua bán thức ăn để nuôi cá nhằm phát triển kinh tế gia đình nên bà C là vợ ông H biết rõ sự việc này. Vì thế đã nhiều lần, anh P yêu cầu ông H, bà C phải trả số tiền còn nợ nói trên, nhưng vẫn không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P yêu cầu ông Trần Văn H và bà Võ Thị C phải liên đới trả cho anh P số tiền còn nợ là 107.010.000 đồng, cùng khoản lãi của số tiền nợ này với lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện đến khi ông H, bà C trả hết nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H và bà C trả số tiền vốn là 107.010.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Văn H trình bày:

Ông H thừa nhận có mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản của anh Đoàn Tấn P để nuôi cá Diêu Hồng. Hai bên bắt đầu mua bán từ năm 2018, đến ngày 02/7/2020 thì số tiền ông H còn nợ lại anh P là 107.010.000 đồng. Khi tới đợt bán cá, anh P gặp ông H thỏa thuận thu mua cá để giao cho người khác. Hai bên thỏa thuận giá cá khoảng 35.000 đồng/kg và tiến hành cân cá. Anh P có tìm ông H mượn lại sổ cân cá để về làm quyết toán số tiền cá với người mua nên ông H đã giao sổ sách cho anh P. Hiện nay, ông H không xác định được lượng cá đã bán cho anh P. Ông H đề nghị anh P cung cấp sổ sách để đối chiếu số tiền bán cá bao nhiêu để trừ vào số tiền nợ. Ngoài ra, ông H có trả cho anh P được 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000 đồng nhưng không có gì chứng minh.

Tại phiên tòa, ông H không yêu cầu phản tố mà yêu cầu anh P cung cấp sổ sách để đối chiếu nợ. Nếu không cung cấp được thì chỉ đồng ý trả cho anh P thêm số tiền 20.000.000 đồng. Ông H xác định việc nuôi cá là làm kinh tế để kiếm nguồn thu cho gia đình nhưng bà C không trực tiếp mua bán nên không thống nhất để bà C liên đới trả nợ.

Bà Võ Thị C là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, bà C cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Sổ theo dõi nhận hàng và thanh toán (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao); Đơn đề nghị xác nhận ngày 26/9/2022 (bản chính); Đơn đề nghị xác nhận nơi cư trú của đương sự, ngày 08/12/2022 (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho bị đơn nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của anh P yêu cầu ông H và bà C có trách nhiệm trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng mua bán” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Tấn P yêu cầu ông H và bà C phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 107.010.000 đồng. Anh P cung cấp chứng cứ là sổ theo dõi nhận hàng và thanh toán ghi tên khách hàng “Chú Ut H”.

Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của ông H thừa nhận có mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản với anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng thừa nhận còn nợ anh P số tiền 107.010.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Do đó, việc anh P và ông H có mua bán thức ăn chăn nuôi là có thật. Ông H thừa nhận có nợ lại anh P số tiền 107.010.000 đồng và chưa thanh toán hết số nợ cho anh P nên vi phạm nghĩa vụ.

Căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Ông H thừa nhận số nợ 107.010.000 đồng nhưng không đồng ý trả cho anh P. Ông H trình bày là do anh P có mua cá của ông nhưng chưa trừ cần số nợ. Tại phiên tòa, ông H chỉ đồng ý trả thêm cho anh P số tiền 20.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Ông H thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi của anh P nên xác định việc mua bán là có thật. Ông H cũng xác nhận sổ theo dõi nhận hàng và thanh toán đúng số lượng và số tiền nợ. Ông H trình bày đã trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 10.000.000 đồng nhưng không được anh P thừa nhận. Ông H cũng không có gì chứng minh có trả số tiền này nên lời trình bày này là chưa có căn cứ nên không được chấp nhận.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có trình bày bán cá cho anh P nhưng không cung cấp được số lượng, giá tiền cụ thể. Ông H cũng không có yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét số tiền mua bán cá trong vụ kiện này. Do đó, việc ông H yêu cầu anh P cung cấp sổ ghi chép mua bán cá và cân trừ số nợ, không được xem xét trong vụ kiện này. Nếu ông H có yêu cầu xem xét việc mua bán cá với anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P thì sẽ xem xét giải quyết trong vụ kiện khác.

Do ông H chưa thanh toán tiền mua bán thức ăn cho anh P mà chỉ đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[6] Nghĩa vụ liên đới:

Anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P yêu cầu bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán còn nợ. Ông H không đồng ý cùng bà C có nghĩa vụ liên đới.

Hội đồng xét xử nhận định: Ông H thừa nhận việc nuôi cá trên diện tích đất của gia đình và mục đích là làm kinh tế gia đình. Bà C là vợ của ông H không có ý kiến về việc mua bán với anh P. Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu của anh P là có căn cứ.

Ông H trình bày việc mua bán chỉ một mình ông thực hiện với anh P, còn bà C không biết nên không đồng ý cùng bà C liên đới thực hiện việc trả nợ. Xét thấy: Tại phiên tòa, ông H thừa nhận việc nuôi cá là phục vụ kinh tế gia đình, thừa nhận bà C biết việc mua bán nhưng không trực tiếp giao dịch. Lời trình bày của ông H là chưa phù hợp như đã viện dẫn như trên.

Do đó, ông H và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh P số tiền mua bán thức ăn là phù hợp.

[7] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P yêu cầu ông Trần Văn H và bà Võ Thị C phải liên đới trả khoản lãi của số tiền nợ với lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày khởi kiện đến khi ông H, bà C trả hết nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông H và bà C trả số tiền vốn, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập nhưng bà C vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, bà C cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

Tuy nhiên, bà C không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặt khác, bà C cũng không có gì chứng minh cho việc trả nợ của mình.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357 Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình xác định yêu cầu của anh Đoàn Tấn P có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông Trần Văn H và bà Võ Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P số tiền mua bán còn thiếu là 107.010.000 đồng.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.350.500 đồng.

Anh P không phải chịu án phí và được nhận lại 2.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014655 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng

- Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P;

Buộc ông Trần Văn H và bà Võ Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P số tiền mua bán còn thiếu là 107.010.000 (Một trăm lẻ bảy triệu, không trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Đoàn Tấn P – Hộ kinh doanh P được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.675.000 (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014655 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ông Trần Văn H và bà Võ Thị C phải chịu án phí sơ thẩm là 5.350.500 (Năm triệu, ba trăm năm mươi nghìn, năm trăm) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô